

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TIỀN SĨ ĐỢT 2 NĂM 2023

Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội thông báo tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 2 năm 2023 như sau:

- Chuyên ngành tuyển sinh:** Môi trường và phát triển bền vững
- Mã số:** 9440301.04
- Hình thức tuyển sinh:** Xét tuyển thông qua đánh giá hồ sơ chuyên môn và bảo vệ đề cương nghiên cứu.
- Chỉ tiêu tuyển sinh:** 03 nghiên cứu sinh
- Kế hoạch tuyển sinh:**
 - Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ 8h00 ngày 22/5/2023 đến 17h00 ngày 30/8/2023.
 - Thời gian công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển: Trước ngày 13/9/2023.
 - Thời gian đánh giá hồ sơ chuyên môn và bảo vệ đề cương: Trước ngày 18/9/2023, thời gian cụ thể Viện sẽ thông báo sau.
 - Thời hạn thông báo điểm trúng tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển: Trước ngày 13/10/2023.
 - Khai giảng: Dự kiến tháng 12/2023.

6. Điều kiện dự tuyển

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

6.1. Đáp ứng các điều kiện về văn bằng và công trình đã công bố như sau:

1. Có bằng bằng thạc sĩ ngành/nhóm ngành phù hợp (*) hoặc ngành/nhóm ngành gần (***) với chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững (Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành).

(*) *Ngành/nhóm ngành phù hợp gồm:* Quản lý tài nguyên và môi trường (88501), Khoa học hàng hải (8840106), Du lịch (8810101), Thủy sản (86203), Lâm nghiệp (86202), Nông nghiệp (86201), Kỹ thuật môi trường (8520320), Khoa học môi trường (84403), Khoa học trái đất (84402), Hóa môi trường (8440120), Sinh học (84201), Địa lý học (8310501), Xã hội học (8310301), Nhân học (8310302), Dân tộc học (8310310), Phát triển bền vững (8310313), Phát triển con người (8310315), Kinh tế chính trị (8310102), Kinh tế phát triển (8310105).

(***) *Ngành/nhóm ngành gần gồm:* Kỹ thuật tài nguyên nước (8580212), Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống (85401), Kỹ thuật hóa học (8520301), Kỹ thuật hóa

dầu và lọc dầu (8520305), Kỹ thuật vật liệu (8520309), Kinh tế đầu tư (8310104), Kinh tế quốc tế (8310106), Thống kê kinh tế (8310107).

Mã số các ngành/nhóm ngành được liệt kê theo Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2. Trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được Hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành/liên ngành công nhận.

Đối với những người đã có bằng thạc sĩ nhưng hoàn thành luận văn thạc sĩ với khối lượng học tập dưới 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sĩ thì phải có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo khoa học.

6.2. Yêu cầu về ngoại ngữ

1. Đối với người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh;

- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương trình độ bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội chấp nhận (Cụ thể tại Phụ lục 1 và 2 của thông báo này).

2. Đối với người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của chương trình đào tạo; trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

6.3. Yêu cầu về kinh nghiệm công tác

1. Đối với ngành/nhóm ngành phù hợp: Thí sinh dự thi phải có ít nhất 02 năm (24 tháng) hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành Đào tạo (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp thạc sĩ đến ngày dự thi).

2. Đối với ngành/nhóm ngành gần: Thí sinh dự thi phải có ít nhất 03 năm (36 tháng) hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành Đào tạo (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp thạc sĩ đến ngày dự thi).

6.4. Thư giới thiệu

1. Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

2. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển.

- Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh (nếu có).

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

6.5. Đề cương nghiên cứu (Kèm theo Hồ sơ đăng ký):

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lý do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; các nội dung nghiên cứu chính; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lý do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện đề tài luận án. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu cho nghiên cứu sinh có thể tham khảo tại Phụ lục 3.

6.6. Các điều kiện khác

- Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021.

- Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Quy định xét cấp học bổng của ĐHQHN cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo QĐ số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

7. Đăng ký dự tuyển

- Thí sinh bắt buộc phải đăng ký dự tuyển trực tiếp tại cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội, đồng thời nộp 1 bộ hồ sơ (bản cứng) về Viện Tài nguyên và Môi trường.

- Thí sinh truy cập vào cổng đăng ký tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng ký dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn.

- Thí sinh đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>

- Thí sinh nộp bản cứng hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) về Viện Tài nguyên và Môi trường theo địa chỉ:

Phòng Quản lý Khoa học Công nghệ và Đào tạo

Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

19 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: 024 38253506

- Thời gian khai báo thông tin trực tuyến và nhận hồ sơ (nếu hồ sơ chuyển qua đường bưu điện sẽ tính theo dấu bưu điện): Từ 8h00 ngày 22/5/2023 đến 17h00 ngày 30/8/2023.

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 260.000đ/thí sinh.

Thí sinh nộp trực tiếp lệ phí tuyển sinh bằng tiền mặt tại Viện Tài nguyên và Môi trường (theo địa chỉ nêu trên) hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Viện Tài nguyên và Môi trường với các thông tin sau:

Tên tài khoản: Viện Tài nguyên và Môi trường

Số tài khoản: 0021000000761

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

8. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh bao gồm:

1) 01 Đơn đăng ký dự tuyển sau đại học (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác, nếu là thí sinh tự do thì phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú.

2) 01 Sơ yếu lí lịch (theo mẫu, dán ảnh, đóng dấu giáp lai) có xác nhận của cơ quan công tác, nếu là thí sinh tự do thì phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú.

3) 01 Lý lịch khoa học (theo mẫu)

4) 01 bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm đại học.
- Bằng tốt nghiệp thạc sĩ và bằng điểm cao học.
- Bằng/Chứng chỉ ngoại ngữ.

5) 01 Giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp.

6) 07 bản kê danh mục các công trình khoa học kèm theo 07 bản photocopy các công trình đó.

7) Thư giới thiệu của tối thiểu 01 nhà khoa học theo quy định.

8) 07 bản Đề cương nghiên cứu (theo mẫu).

- 9) 01 Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).
- 10) 01 Bản minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (bản sao công chứng Hợp đồng lao động hoặc Quyết định tuyển dụng).
- 11) 01 Giấy chứng nhận sức khỏe của một bệnh viện đa khoa (mới cấp trong thời hạn 06 tháng).
- 12) 02 ảnh mới nhất cỡ 3 x 4 cm của thí sinh (ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh, chuyên ngành dự tuyển vào mặt sau mỗi ảnh) bỏ vào 01 phong bì.
- 13) 01 phong bì (có sẵn trong bộ hồ sơ) dán tem, ghi chính xác, cụ thể họ tên, địa chỉ người nhận thư. Nếu người nhận thư không phải là thí sinh thì phải đề thêm tên của thí sinh.

9. Học phí

- Học phí năm thứ nhất: 22.200.000 đồng
- Học phí năm thứ hai: 24.500.000 đồng
- Học phí năm thứ ba: 27.000.000 đồng

Sau thời gian đào tạo chuẩn (3 năm), nghiên cứu sinh phải đóng học phí theo quy định của đơn vị đào tạo nếu được gia hạn thời gian học tập.

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Phòng Quản lý Khoa học- Công nghệ và Đào tạo

Viện Tài nguyên và Môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội

19 Lê Thánh Tông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.38253506; Di động: 0914846829

E-mail: cres@vnu.edu.vn

Website: <http://cres.vnu.edu.vn/> (mục Đào tạo)

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Các Sở TN&MT;
- Các Sở KH&CN;
- Các Trường đại học, cao đẳng;
- Các Viện, Trung tâm nghiên cứu;
- Lưu: VT, KHCN&ĐT, T100.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
VIỆN TRƯỞNG**



Lưu Thế Anh





Phụ lục 1:

**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

(Kèm theo Thông báo số: 173 /TN&MT ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường)

TIẾNG ANH

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kĩ năng)	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 4	5.5	72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)



Phụ lục 2:

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN
(Kèm theo Thông báo số: 173 /TN&MT ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường)

1. Chứng chỉ ngoại ngữ/bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√			
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√				
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√				
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√						
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√							
7.	Đại học Bách khoa Hà Nội	√							
8.	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	√							
9.	ĐH Thái Nguyên	√							
10.	Trường ĐH Cần Thơ	√							
11.	Trường Đại học Nam Cần Thơ	√							
12.	Trường ĐH Vinh	√							
13.	Học viện An ninh nhân dân	√							
14.	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	√							
15.	Trường Đại học Thương mại	√							
16.	Trường Đại học Ngoại thương	√							
17.	Học viện Khoa học quân sự	√							

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
18.	Học viện Cảnh sát nhân dân	√							
19.	Trường Đại học Quy Nhơn	√							
20.	Trường Đại Học Tây Nguyên	√							
21.	Trường Đại học Sài Gòn	√							
22.	Trường Đại học Văn Lang	√							
23.	Trường Đại học Trà Vinh	√							
24.	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√							
25.	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	√							
26.	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√							
27.	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√							

2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL International Certificate
1.	Educational Testing Service (ETS)		√		√
2.	British Council (BC)	√			√
3.	International Development Program (IDP)	√			
4.	Cambridge ESOL	√		√	

Phụ lục 3:

Các hướng nghiên cứu đề tài luận án và số lượng nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận tại Viện Tài nguyên và Môi trường (*)**
 (Kèm theo Thông báo số: 173 /TN&MT ngày 19 tháng 05 năm 2023 của Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường)

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn NCS	Họ tên, học vị, học hàm người có thể hướng dẫn NCS	Số lượng NCS có thể tiếp nhận
1	Quản lý tài nguyên và môi trường đất; Tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên đất, sử dụng đất; Quy hoạch môi trường và phân vùng chức năng môi trường.	PGS.TS. Lưu Thế Anh (Hướng dẫn chính)	01
2	Bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý và sử dụng bền vững các vườn quốc gia, khu bảo tồn; Phục hồi các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái, bao gồm đất ngập nước	TS. Hoàng Văn Thắng (Hướng dẫn phụ)	02
3	Chính sách phát triển bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học và biến đổi khí hậu; Quản lý các vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển; Quản lý tài nguyên thiên nhiên	TS. Võ Thanh Sơn (Hướng dẫn phụ)	02
4	Quản trị tài nguyên; Quản trị môi trường đô thị; Xây dựng cộng đồng có khả năng chống chịu; Phát triển dựa vào cộng đồng	TS. Nghiêm Thị Phương Tuyền (Hướng dẫn phụ)	01
5	Phát triển sinh kế, đánh giá tính dễ bị tổn thương, phát triển nông thôn	TS. Lê Thị Vân Huệ (Hướng dẫn phụ)	01
6	Ứng dụng phân tích không gian trong quản lý tài nguyên thiên nhiên sử dụng công nghệ GIS/Viễn thám	TS. Đào Minh Trường (Hướng dẫn phụ)	02
7	Bảo tồn loài và đa dạng sinh học; Mô hình hóa phân bố loài; Phương pháp tiếp cận liên ngành trong bảo tồn; Sinh học phân tử trong công tác bảo tồn	PGS.TS. Lê Đức Minh (Hướng dẫn chính)	02
8	Quản lý và chính sách biển; Quy hoạch không gian biển; Quản lý và sử dụng bền vững nguồn lợi hải sản	PGS.TS. Nguyễn Chu Hồi (Hướng dẫn chính)	01

9	Năng lượng tái tạo và chính sách; Quản lý ô nhiễm môi trường	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Liên (Hướng dẫn chính)	02
10	Sinh học môi trường, phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, Các cách tiếp cận hiện đại trong bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững; Biến đổi khí hậu và tăng trường xanh	GS.TSKH. Trương Quang Học (Hướng dẫn chính)	02
11	Quản lý đất đai và quy hoạch sử dụng đất; ô nhiễm và phục hồi đất; Xây dựng mô hình sử dụng đất nông nghiệp ứng phó BĐKH	PGS.TSKH. Nguyễn Xuân Hải (Hướng dẫn chính)	01
12	Sinh kế và du lịch bền vững; Phát triển kinh tế gắn với sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	GS.TS. Trương Quang Hải (Hướng dẫn chính)	01
13	Nghiên cứu cân bằng vật chất; Sản xuất sạch hơn; Phát triển bền vững đô thị và nông thôn	PGS.TS. Nguyễn Mạnh Khải (Hướng dẫn chính)	01
14	Quy hoạch môi trường; Quản lý môi trường, Đánh giá tác động môi trường; Kiểm soát ô nhiễm, Đánh giá công nghệ xử lý chất thải	PGS.TS. Trần Yêm (Hướng dẫn chính)	01
15	Phát triển bền vững và phân tích chính sách công, Quy hoạch phát triển vùng, Kinh tế tài nguyên và môi trường	PGS.TS. Nguyễn Danh Sơn (Hướng dẫn chính)	01
16	Kinh tế môi trường, Quản lý và chính sách đô thị, Tăng trưởng xanh	PGS.TS. Lê Thu Hoa (Hướng dẫn chính)	01
17	Bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái rừng ngập mặn, Sử dụng tài nguyên rừng ngập mặn	PGS.TS. Lê Xuân Tuấn (Hướng dẫn chính)	01
18	Công nghệ sinh học, Khoa học môi trường	TS. Đỗ Quang Trung (Hướng dẫn phụ)	02

(***) Danh sách để thí sinh tham khảo.